

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

TRẦN PHÚC BA

NGHIÊN CỨU ĐỔI MỚI PHẦN KIẾN THỨC NGÀNH
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG TỈNH PHÚ THỌ

Ngành : **Giáo dục học**

Mã số : **9140101**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ GIÁO DỤC HỌC

BẮC NINH – 2022

Công trình được hoàn thành tại: Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Người hướng dẫn khoa học: **1. PGS.TS. Đinh Quang Ngọc**
2. TS. Nguyễn Đương Bắc

Phản biện 1: PGS. TS Đặng Hà Việt
Trường Đại học TDTT Thành Phố Hồ Chí Minh

Phản biện 2: PGS. TS Bùi Quang Hải
Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội

Phản biện 3: TS Ngô Ích Quân
Tổng cục TDTT

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án tiến sĩ tại:
Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm 2021

Có thể tìm luận án tại:

1. Thư viện Quốc gia Việt Nam
2. Thư viện Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

A. GIỚI THIỆU LUẬN ÁN

MỞ ĐẦU

Tính cấp thiết: Trường Đại học Hùng Vương tỉnh Phú Thọ là trường đại học công lập đa ngành đã hình thành và phát triển liên tục từ năm 2003 đến nay, công tác đào tạo của nhà trường đã đạt được nhiều thành tựu xã hội ghi nhận, đánh giá cao. Năm 2012 nhà trường chính thức được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo trình độ cử nhân ngành Giáo dục Thể chất. Để công tác đào tạo đạt kết quả cao, đáp ứng với yêu cầu của xã hội, chương trình đào tạo ngành Giáo dục Thể chất luôn được nhà trường cập nhật, đổi mới, tuy nhiên sau gần 10 năm đào tạo cho thấy còn nhiều bất cập về mục tiêu, quy trình, phương pháp đào tạo.....Kết quả đào tạo chưa đúng với chuẩn đầu ra, sinh viên ra trường chưa đáp ứng được nhu cầu đòi hỏi của xã hội, đặc biệt là đáp ứng với chương trình Giáo dục Thể chất ở phổ thông theo chương trình phổ thông năm 2018 [64]

Với mục đích theo hướng tăng cường năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành, đạo đức nghề nghiệp và hiểu biết xã hội, giảm tải kiến thức hàn lâm, tăng cường thực hành, thực tế nghề nghiệp, phát triển năng lực và phẩm chất của người học đúng theo tinh thần của Nghị quyết TW8 khóa XI về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đồng thời đáp ứng được với những yêu cầu của thị trường lao động trong giai đoạn mới. Chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài: **“Nghiên cứu đổi mới phần kiến thức ngành chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục thể chất Trường Đại học Hùng Vương Tỉnh Phú Thọ”**.

Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của đề tài là tiến hành đánh giá toàn diện, đầy đủ về thực trạng chất lượng đào tạo trình độ đại học ngành giáo dục thể chất, đồng thời tiến hành rà soát, đổi mới chương trình, đảm bảo phù hợp với năng lực người học, đáp ứng được với những nhu cầu xã hội đặt ra, qua đó nâng cao chất lượng đào tạo trình độ đại học ngành giáo dục thể chất Trường Đại học Hùng Vương tỉnh Phú Thọ.

Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu đề tài đề ra 3 nhiệm vụ nghiên cứu sau:

Nhiệm vụ 1: Nghiên cứu Thực trạng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành GDTC trường Đại học Hùng Vương Tỉnh Phú Thọ.

Nhiệm vụ 2: Nghiên cứu đổi mới phần kiến thức ngành chương trình đào tạo trình độ đại học ngành GDTC trường đại học Hùng Vương tỉnh Phú Thọ.

Nhiệm vụ 3: Nghiên cứu ứng dụng đánh giá chất lượng chương trình đổi mới.

NHỮNG ĐÓNG GÓP MỚI CỦA LUẬN ÁN

- Luận án đã tổng hợp được cơ sở lý luận và thực tiễn trong xây dựng, đổi mới và đánh giá chương trình đào tạo cử nhân ngành Giáo dục thể chất Trường Đại học Hùng Vương tỉnh Phú Thọ.

- Luận án đã xác định sử dụng bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để đánh giá thực trạng chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục thể chất Trường Đại học Hùng Vương tỉnh Phú Thọ.

- Luận án đã xây dựng và đổi mới phần kiến thức ngành chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục thể Trường Đại học Hùng Vương tỉnh Phú Thọ. Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục thể chất mới đã được triển khai đào tạo tại trường Đại học Hùng Vương, bước đầu cho hiệu quả tích cực hơn so với chương trình đào tạo cũ.

CẤU TRÚC CỦA LUẬN ÁN

Luận án gồm 128 trang A4: Gồm các phần: Mở đầu (03 trang); Chương 1 - Tổng quan vấn đề nghiên cứu (34 trang); Chương 2 - Phương pháp tổ chức nghiên cứu (09 trang); Chương 3 - Kết quả nghiên cứu và bàn luận (79 trang); Kết luận và kiến nghị (02 trang). Luận án sử dụng 102 tài liệu, trong đó có 90 tài liệu bằng tiếng Việt, 12 tài liệu bằng tiếng Anh, ngoài ra còn có 29 bảng số liệu, 01 sơ đồ, 10 biểu đồ và phần phụ lục.

B. NỘI DUNG LUẬN ÁN

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN CÁC VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

Chương 1 của luận án trình bày về các vấn đề cụ thể sau:

- 1.1. Quan điểm của Đảng và nhà nước về Giáo dục và đổi mới Giáo dục
- 1.2. Một số khái niệm cơ bản trong xây dựng CTĐT, mô hình phát triển CTĐT
- 1.3. Quan điểm về đánh giá CTĐT hiện nay
- 1.4. Một số công trình nghiên cứu trong nước và nước ngoài có liên quan đến vấn đề nghiên cứu của luận án

Các vấn đề cụ thể được trình bày từ trang 4 tới trang 38 của luận án.

Quá trình nghiên cứu chương 1 của luận án đã hệ thống hóa các quan điểm của Đảng và nhà nước về giáo dục và đổi mới giáo dục, bổ sung và hoàn thiện các kiến thức lý luận về các vấn đề liên quan tới xây dựng, đổi mới CTĐT, các quan điểm và các mô hình về đánh giá chất lượng CTĐT, tổng hợp, phân tích, đánh giá nội dung các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan tới vấn đề nghiên cứu của luận án.

CHƯƠNG 2

PHƯƠNG PHÁP VÀ TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Quá trình nghiên cứu luận án sử dụng 7 phương pháp khoa học thường quy trong nghiên cứu khoa học TĐTT gồm: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp phỏng vấn; Phương pháp quan sát sự phạm; Phương pháp kiểm tra sự phạm, phương pháp kiểm tra y học, Phương pháp thực nghiệm sự phạm và Phương pháp toán học thống kê.

2.2. Tổ chức nghiên cứu

2.2.1. Thời gian nghiên cứu

Luận án được tiến hành nghiên cứu từ tháng 12/2015 tới tháng 5/2022 và được chia thành 5 giai đoạn

2.2.2. Địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành tại:

Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh;

Trường Đại học Hùng Vương tỉnh Phú Thọ

CHƯƠNG 3

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

3.1. Nghiên cứu thực trạng CTĐT trình độ đại học ngành GDTC trường đại học Hùng Vương tỉnh Phú Thọ

3.1.1. Thực trạng tuyển sinh và chất lượng đầu vào trình độ đại học ngành GDTC trường đại học Hùng Vương tỉnh Phú Thọ

Kết quả khảo sát chi tiết kết quả tuyển sinh trình độ đại học ngành GDTC trường đại học Hùng Vương cho thấy: Công tác tuyển sinh được triển khai thực hiện một cách nghiêm túc theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và UBND tỉnh Phú Thọ. Bằng việc đổi mới phương thức tuyển sinh cho thấy chất lượng công tác tuyển sinh được nâng lên, đáp ứng được các điều kiện chuẩn đầu vào khi triển khai CTĐT.

3.1.2. Đánh giá thực trạng về đội ngũ giảng viên bộ môn GDTC, khoa Nghệ thuật và Thể Dục Thể Thao, Trường Đại học Hùng Vương Tỉnh Phú Thọ

Qua đánh giá thực trạng đội ngũ giảng viên bộ môn GDTC cho thấy: Hiện tại số lượng giảng viên cơ hữu là 13 đồng chí, giảng viên thỉnh giảng thường xuyên là 8 đồng chí. Các giảng viên đều ở độ tuổi chín của sự nghiệp, có trình độ chuyên môn đạt chuẩn để giảng dạy bậc đại học tuy nhiên số giảng viên cơ hữu có trình độ cao còn ít (7,7%). Chất lượng giảng dạy của giảng viên qua lấy ý kiến phản hồi của sinh viên hàng năm cho thấy 100% giảng viên được đánh giá đạt yêu cầu trở lên trong đó có nhiều tiêu chí quan trọng được đánh giá rất cao như: Đảm bảo giờ giấc lên lớp (99,62%); công bằng, khách quan trong kiểm tra đánh giá; nhiệt tình và có trách nhiệm trong truyền đạt kiến thức đến người học (99,59%). Điều này khẳng định về đội ngũ giảng viên GDTC của Trường đại học Hùng Vương hiện tại là đảm bảo để thực hiện và nâng cao CTĐT trình độ đại học ngành GDTC.

3.1.3. Thực trạng cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ các hoạt động Thể dục Thể thao của Trường Đại học Hùng Vương Tỉnh Phú Thọ

Kết quả khảo sát về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ các hoạt động TĐTT của trường đại học Hùng Vương cho thấy về cơ bản các trang thiết bị, dụng cụ phục vụ cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, thực

tập, rèn nghề của ngành GDTC, khoa Nghệ thuật và TDTT, trường Đại học Hùng Vương là tương đối đầy đủ, chất lượng các công trình đáp ứng từ mức trung bình trở lên. Đảm bảo để thực hiện chương trình đào tạo đáp ứng được các mục tiêu và chuẩn đầu ra. Đa số sinh viên được phỏng vấn đều đánh giá các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện phục vụ cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, tập luyện và thi đấu thể thao của trường Đại học Hùng Vương ở mức tốt và rất tốt. Điều này khẳng định rằng các điều kiện phục vụ công tác đào tạo ngành GDTC của nhà trường là đảm bảo, đáp ứng phục vụ chất lượng chương trình đào tạo đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra.

3.1.4. Thực trạng nhu cầu nguồn nhân lực chuyên ngành GDTC và TDTT trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

Kết quả tại bảng khảo sát cho thấy, tổng nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực về TDTT trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2020-2025 là rất lớn (2116 người), số lượng hiện có chỉ đáp ứng được 58.75% tổng nhu cầu sử dụng, số lượng thiếu so với tổng nhu cầu chiếm 41.25%. Đơn vị đáp ứng tốt nhất nhu cầu sử dụng là khối đơn vị sự nghiệp mới chỉ đạt 74% tổng nhu cầu, khối cơ quan quản lý nhà nước về TDTT và khối các doanh nghiệp là các khối thiếu nhiều nhất (trên 50% tổng nhu cầu).

3.1.5. Đánh giá thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện chương trình đào tạo trình độ đại học ngành GDTC trường Đại học Hùng Vương tỉnh Phú Thọ.

Kết quả khảo sát cho thấy 100% các giảng viên được hỏi đều đánh giá lãnh đạo trường và lãnh đạo khoa luôn quan tâm tạo mọi điều kiện để giảng viên thực hiện có hiệu quả chương trình đào tạo; 100% giảng viên đánh giá động cơ, thái độ và hứng thú học tập của sinh viên là tốt; 91% giảng viên đánh giá tính tự giác, độc lập của sinh viên trong học tập là tốt; 83% giảng viên đánh giá tính chủ động, sáng tạo của sinh viên trong học tập là tốt; chỉ có 9% giảng viên đánh giá về tính tự giác độc lập và 17% giảng viên đánh giá về tính chủ động, sáng tạo của sinh viên trong học tập là không tốt. Điều này cho thấy giảng viên trực tiếp giảng dạy hài lòng về

các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện CTĐT trình độ đại học ngành GDTC trường Đại học Hùng Vương hiện nay.

3.1.6. Thực trạng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành GDTC trường Đại học Hùng Vương Tỉnh Phú Thọ

Kết quả đánh giá cho thấy chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành GDTC trường Đại học Hùng Vương Tỉnh Phú Thọ chỉ đạt trung bình 4.3/7 điểm, phần lớn các tiêu chuẩn đều đạt ở mức trung bình. Tuy nhiên có một số tiêu chuẩn vẫn còn có các tiêu chí đạt ở mức trung bình thấp hoặc dưới trung bình cần phải có các giải pháp khắc phục như: Các tiêu chuẩn về đội ngũ giảng viên và nhân viên (đạt 4.07/7 điểm); tiêu chuẩn về cơ sở vật chất phục vụ đào tạo (đạt 4.01/7 điểm); tiêu chuẩn về nâng cao chất lượng đào tạo (đạt 4.09/7 điểm). Điều này cho thấy để nâng cao chất lượng CTĐT trình độ đại học ngành GDTC trường đại học Hùng Vương còn nhiều vấn đề cần phải cải tiến, khắc phục trong đó đặc biệt chú ý nâng cao chất lượng các hoạt động phục vụ thực hiện CTĐT (đội ngũ giảng viên, nhân viên; cơ sở vật chất...); các hoạt động nâng cao chất lượng đào tạo (thông tin phản hồi của các bên liên quan; Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến; các kết quả nghiên cứu khoa học phục vụ cải tiến việc dạy và học; các hoạt động hỗ trợ người học...)

3.1.7. Bàn luận về kết quả nghiên cứu nhiệm vụ 1

3.1.7.1. Bàn luận về các điều kiện đảm bảo thực hiện, nâng cao chất lượng CTĐT trình độ đại học ngành GDTC trường đại học Hùng Vương tỉnh Phú Thọ

Khác với các công trình nghiên cứu của các tác giả đã quan tâm nghiên cứu về xây dựng, cải tiến nội dung CTĐT trình độ đại học ngành GDTC như: tác giả Nguyễn Trọng Hải (2010), Lê Trường Sơn Chân Hải (2012), Nguyễn Cẩm Ninh (2012), Trần Vũ Phương (2015), Nguyễn Văn Hòa (2016), Trương Đức Thăng (2017), Phạm Đức Viễn (2018)... Các tác giả đã quan tâm nghiên cứu đánh giá thực trạng nhiều mặt các yếu tố ảnh hưởng tới nội dung, hiệu quả của CTĐT như các yếu tố về cơ sở vật chất, các yếu tố về đội ngũ nhà giáo, các yếu tố tài chính... Chưa có công trình nào nghiên cứu, đánh giá đầy đủ yếu tố tuyển sinh (đầu vào) và phân tích

ảnh hưởng của nó tới chất lượng CTĐT, chính vì vậy, đây là điểm mới trong quá trình nghiên cứu của luận án, đảm bảo việc tiếp cận đi đúng hướng từ khâu lựa chọn nguyên liệu đầu vào đến tổ chức triển khai thực hiện và cuối cùng là đánh giá kết quả đạt được về mặt chất lượng của CTĐT.

Kết quả nghiên cứu về các điều kiện đảm bảo thực hiện CTĐT trình độ đại học ngành GDTC trường đại học Hùng Vương hiện nay cho thấy: về cơ bản các điều kiện đã đáp ứng để thực hiện được các mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT với mức độ trung bình và khá, bên cạnh đó đã phản ánh những tồn tại cơ bản như: số lượng, chất lượng công tác tuyển sinh đầu vào còn thiếu và yếu; số lượng, chất lượng đội ngũ giảng viên cơ hữu còn chưa đảm bảo để thực hiện giảng dạy các môn thể thao chuyên sâu có trong CTĐT, số chuyên gia và giảng viên có trình độ cao còn ít; cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học còn thiếu, chất lượng và mức độ đồng bộ, hiện đại của các công trình còn nhiều hạn chế. Những tồn tại hạn chế này cần được sớm khắc phục để đảm bảo thực hiện CTĐT đạt chất lượng cao.

3.1.5.2. Về kết quả nghiên cứu thực trạng CTĐT trình độ đại học ngành GDTC trường đại học Hùng Vương tỉnh Phú Thọ

Trong các công trình nghiên cứu của các tác giả có liên quan đến vấn đề nghiên cứu như: tác giả Nguyễn Trọng Hải (2010), Lê Trường Sơn Chấn Hải (2012), Nguyễn Cẩm Ninh (2012), Trần Vũ Phương (2015)... Khi lựa chọn bộ tiêu chuẩn đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành GDTC, các tác giả chủ yếu là tham khảo các tài liệu liên quan hoặc xây dựng bộ tiêu chuẩn riêng dựa trên các kết quả phỏng vấn lựa chọn của các chuyên gia. Các tác giả Nguyễn Văn Hòa (2016), Trương Đức Thăng (2017), Phạm Đức Viễn (2018)... Khi nghiên cứu đã lựa chọn hoặc lựa chọn có chọn lọc bộ tiêu chuẩn đánh giá CTĐT của mạng lưới các trường đại học khu vực Đông Nam Á (AUN), đồng thời các tác giả thường đánh giá theo 3 nhóm yếu tố đó là: nhóm yếu tố đầu vào, quá trình và đầu ra. Trong luận án nghiên cứu của mình, chúng tôi đã tiếp cận quan điểm lựa chọn bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng các chương trình đào tạo của giáo dục đại học theo quy định của Bộ GD&ĐT Việt Nam ban hành kèm theo thông tư

04/2016/TT-BGDĐT bao gồm 11 tiêu chuẩn 50 tiêu chí làm bộ tiêu chuẩn đánh giá thực trạng chất lượng CTĐT trình độ đại học ngành GDTC trường đại học Hùng Vương tỉnh Phú Thọ. Đây được coi là vấn đề tiên phong trong lĩnh vực đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành GDTC trong cả nước. Quá trình tiến hành đánh giá thực trạng CTĐT trình độ đại học ngành GDTC trường đại học Hùng Vương, luận án đã tuân thủ nghiêm ngặt quy trình đánh giá 7 bước mà luận án đã xây dựng. Đây cũng được coi là điểm mới trong đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành GDTC.

Kết quả nghiên cứu thực trạng chất lượng CTĐT trình độ đại học ngành GDTC trường đại học Hùng Vương tỉnh Phú Thọ, cho thấy tất cả 11 tiêu chuẩn đều chỉ đạt ở mức trung bình, còn 3 tiêu chuẩn đạt ở mức trung bình thấp (4,01 đến 4,09/7 điểm), nhiều tiêu chí đạt điểm thấp, thậm chí còn nhiều tiêu chí được đánh giá là không đạt. Điều này cho thấy cần phải có những nghiên cứu nghiêm túc nhằm đánh giá một cách toàn diện từ đó có những cải tiến, điều chỉnh phù hợp nâng cao chất lượng của CTĐT và chất lượng đào tạo trình độ đại học ngành GDTC tại trường đại học Hùng Vương.

3.2. Nghiên cứu đổi mới phần kiến thức ngành chương trình đào tạo trình độ đại học ngành GDTC trường đại học Hùng Vương tỉnh Phú Thọ

3.2.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn để đổi mới chương trình đào tạo

3.2.1.1. Cơ sở lý luận để đổi mới phần kiến thức ngành CTĐT trình độ đại học ngành GDTC trường đại học Hùng Vương tỉnh Phú Thọ

Được trình bày chi tiết tại phần tổng quan các vấn đề nghiên cứu

3.2.1.2. Cơ sở thực tiễn để đổi mới phần kiến thức ngành CTĐT trình độ đại học ngành GDTC trường đại học Hùng Vương tỉnh Phú Thọ

Được trình bày chi tiết trong phần phân tích nhiệm vụ 1 của luận án.

Ngoài ra, trong quá trình nghiên cứu, luận án còn xác định được 8 nhóm nguyên tắc để đổi mới phần kiến thức ngành CTĐT trình độ đại học ngành GDTC trường đại học Hùng Vương tỉnh Phú Thọ

3.2.2. Đổi mới phần kiến thức ngành chương trình đào tạo trình độ đại học ngành GDTC trường đại học Hùng Vương

3.2.2.1. Xác định quy trình đổi mới phần kiến thức ngành chương trình

đào tạo trình độ đại học ngành GDTC trường đại học Hùng Vương

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn về đổi mới chương trình, qua quá trình tham khảo, phân tích các tài liệu có liên quan đến xây dựng, đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, các quan điểm của Đảng và nhà nước, thông tư số 07/2015/TT – BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quá trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ. Hướng dẫn của Bộ GD&ĐT về đổi mới giáo dục, đổi mới nội dung, chương trình đào tạo theo xu thế đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế. Luận án xác định quy trình đổi mới chương trình đào tạo trình độ đại học ngành GDTC trường Đại học Hùng Vương nói chung và phần kiến thức ngành chương trình đào tạo nói riêng bao gồm 7 bước cơ bản đó là: Khảo sát các bên liên quan về chương trình đào tạo trình độ đại học ngành GDTC trường đại học Hùng Vương; xây dựng mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chính của trường đại học Hùng Vương; xây dựng cấu trúc, nội dung CTĐT trình độ đại học ngành GDTC trường đại học Hùng Vương; đối chiếu so sánh CTĐT trình độ đại học ngành GDTC trường đại học Hùng Vương với các trường đại học trong nước có cùng ngành và trình độ đào tạo; xây dựng đề cương chi tiết các học phần có trong phần kiến thức ngành CTĐT; tổ chức hội thảo xin ý kiến của các bên liên quan về CTĐT; trình hội đồng khoa học và đào tạo trường đại học Hùng Vương xem xét thẩm định và Hiệu trưởng nhà trường ra quyết định áp dụng CTĐT.

3.2.2.2. Đổi mới CTĐT trình độ đại học ngành GDTC trường đại học Hùng Vương tỉnh Phú Thọ

Qua nghiên cứu đổi mới chương trình đào tạo trình độ đại học ngành GDTC trường đại học Hùng Vương tỉnh Phú Thọ thông qua quy trình 7 bước, luận án đã đổi mới thành công CTĐT với 6 sự thay đổi lớn đó là: Điều chuyển các học phần về đúng phần kiến thức; Ghép và đổi tên các học phần; Chuyển đổi hình thức tín chỉ từ lý thuyết (15 tiết quy chuẩn/01 tín chỉ) sang hình thức tín chỉ thực hành (30 tiết quy chuẩn/01 tín chỉ); Thêm

mới các môn thể thao; Cắt bỏ phần môn thể thao chuyên sâu; Tăng số môn thể thao tự chọn. Những thay đổi trên là phù hợp với điều kiện thực tiễn đào tạo ngành GDTC trường đại học Hùng Vương cũng như góp ý của các bên liên quan.

Hiệu trưởng trường đại học Hùng Vương ra quyết định số 930/QĐ-ĐHHV ngày 8 tháng 8 năm 2018 về việc ban hành chương trình đào tạo đại học hệ chính quy cho phép đưa chương trình đào tạo trình độ đại học ngành GDTC mà luận án xây dựng vào đào tạo cho sinh viên bắt đầu từ khóa học 16 năm học 2018-2019.

3.2.3. Bàn luận về kết quả nghiên cứu nhiệm vụ 2

3.2.3.1. Bàn luận về cơ sở khoa học và các nguyên tắc đổi mới nội dung CTĐT trình độ đại học ngành GDTC trường đại học Hùng Vương tỉnh Phú Thọ

Trước khi tiến hành lựa chọn các nội dung đổi mới phần kiến thức ngành CTĐT trình độ đại học ngành GDTC trường đại học Hùng Vương tỉnh Phú Thọ, luận án đã tiến hành phân tích chi tiết về cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn để xác định các nội dung đổi mới đồng thời tiến hành lựa chọn xác định được 8 nguyên tắc trong đổi mới nội dung CTĐT bao gồm: Đảm bảo tính pháp lý; quán triệt mục tiêu; đảm bảo tính sư phạm; đảm bảo tính thực tiễn; đảm bảo tính hệ thống; đảm bảo tính khoa học; đảm bảo tính cập nhật; đảm bảo tính khả thi. Có thể nói đây là những cơ sở khoa học và những căn cứ nền tảng, xuyên suốt giúp cho luận án đi đúng hướng trong quá trình nghiên cứu.

3.2.3.2. Bàn luận về kết quả đổi mới phần kiến thức ngành CTĐT trình độ đại học ngành GDTC trường đại học Hùng Vương tỉnh Phú Thọ.

Qua nghiên cứu lý luận và thực tiễn, căn cứ vào các nguyên tắc đổi mới CTĐT trình độ đại học ngành GDTC trường đại học Hùng Vương tỉnh Phú Thọ. Luận án đã xác định được quy trình đổi mới CTĐT gồm 7 bước đó là: Khảo sát các bên liên quan về CTĐT; xây dựng mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT; xây dựng cấu trúc, nội dung CTĐT; đối chiếu, so sánh với các CTĐT có cùng chuyên ngành và trình độ của các trường đại học khác trong nước; xây dựng đề cương chi tiết các học phần; tổ chức hội thảo xin ý

kiến về CTĐT; hoàn thiện CTĐT trình hội đồng khoa học đào tạo trường thông qua và trình hiệu trưởng ký quyết định ban hành. Đây là quy trình đổi mới chương trình đào tạo khoa học phù hợp với thông tư 07/2015 của Bộ GD&ĐT về quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành các CTĐT trình độ đại học và là quy trình mới mà trước đây chưa có công trình nghiên cứu nào có liên quan áp dụng.

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành GDTC đổi mới đã được hội đồng khoa học đào tạo nhà trường thông qua và được hiệu trưởng trường đại học Hùng Vương ký quyết định số 930/QĐ-ĐHHV ngày 8 tháng 8 năm 2018 cho phép đưa vào đào tạo cho sinh viên chuyên ngành GDTC từ năm học 2018-2019. Điều này khẳng định CTĐT trình độ đại học ngành GDTC mới do luận án xây dựng đã đảm bảo các yêu cầu về quy chế của bộ GD&ĐT và theo định hướng phát triển trường đại học Hùng Vương nói chung; đảm bảo chất lượng đào tạo trình độ đại học ngành GDTC trường đại học Hùng Vương nói riêng.

3.3. Nghiên cứu ứng dụng đánh giá chất lượng chương trình đổi mới.

3.3.1. Xây dựng lộ trình thực hiện và triển khai chương trình mới

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành GDTC trường đại học Hùng Vương đổi mới được tổ chức đào tạo tại khoa Nghệ thuật và TĐTT, trên cơ sở quyết định ban hành chương trình đào tạo số 930 /QĐ-ĐHHV của Hiệu trưởng trường đại học Hùng Vương ngày 8 tháng 8 năm 2018. Trước khi tiến hành thực nghiệm chúng tôi đã tổ chức tập huấn cho các giảng viên bộ môn GDTC tham gia giảng dạy chương trình thực nghiệm.

Đối tượng thực nghiệm: là 9 SV khóa 16 tuyển sinh năm 2018 ngành GDTC.

Thời gian thực nghiệm: 3 năm (từ năm thứ nhất đến năm thứ ba)

3.3.2. Đánh giá hiệu quả ứng dụng chương trình mới.

Để đánh giá hiệu quả ứng dụng chương trình đào tạo mới, luận án tiến hành đánh giá bốn yếu tố đó là:

3.3.2.1. Đánh giá hiệu quả của chương trình đào tạo thông qua so sánh kết quả học tập của nhóm thực nghiệm (khóa 16) và nhóm đối chứng (khóa 15) trong 6 kỳ học tập (từ năm thứ nhất đến năm thứ ba).

Kết quả học tập của sinh viên nhóm đối chứng (khóa 15) và nhóm thực nghiệm (khóa 16) được trình bày tại bảng 3.19

Bảng 3.19: So sánh kết quả kết quả học tập của sinh viên nhóm thực nghiệm (khóa 16) và nhóm đối chứng (khóa 15) qua ba năm học (6 kỳ)

HỌC KỲ	KẾT QUẢ SO SÁNH					
	XUẤT SẮC – GIỎI		KHÁ – TRUNG BÌNH		KHÁC BIỆT	
	TN (%)	ĐC (%)	TN (%)	ĐC (%)	χ^2	p
I	11,11	0	88,89	100	0,99	> 0,05
II	44,44	0	55,56	100	4,85	< 0,05
III	55,55	12,5	44,44	87,5	4,47	< 0,05
IV	66,66	12,5	33,33	87,5	6,04	< 0,05
V	66,66	12,5	33,33	87,5	6,04	< 0,05
VI	66,66	50	33,33	50	1,94	> 0,05

Sau ba năm thực nghiệm chương trình đào tạo mới kết quả học tập của nhóm thực nghiệm là tốt hơn hẳn nhóm đối chứng điều nay được thể hiện trong các học kỳ từ II đến V khi χ^2 tính > χ^2 bảng (χ^2 bảng = 3,841) ở ngưỡng xác suất $p < 0,05$. Kết quả học tập của sinh viên hai nhóm ở học kỳ I và học kỳ VI sự khác biệt không có ý nghĩa χ^2 tính < χ^2 bảng (χ^2 bảng = 3,841) ở ngưỡng xác suất $p < 0,05$.

3.3.2.2. Đánh giá hiệu quả của chương trình đào tạo đổi mới thông qua kết quả đánh giá chuẩn đầu ra năng lực chuyên môn:

Kết quả đánh giá chuẩn đầu ra chuyên môn cho sinh viên khóa 15 (2017-2021) và sinh viên khóa 16 (2018-2022) được trình bày tại các bảng 3.19; 3.20; 3.21 và biểu đồ 3.2

Bảng 3.19: Kết quả đánh giá chuẩn đầu ra năng lực chuyên môn của nhóm thực nghiệm (khóa 16) và nhóm đối chứng (khóa 15) nội dung thi trắc nghiệm trên máy

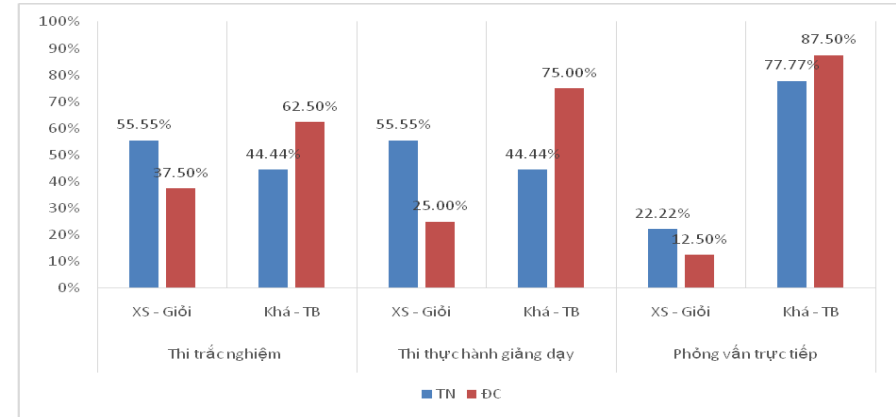
TT	Số SV	Kết quả xếp loại					χ^2	p
		Suất xác (%)	Giỏi (%)	Khá (%)	TB (%)	Không đạt (%)		
I Nhóm thực nghiệm								
1	9	22,22	33,33	44,44	0	0	3,6	<0,05
II Nhóm đối chứng								
2	8	12,5	25	62,5	0	0	4,44	<0,05

Bảng 3.20: Kết quả đánh giá chuẩn đầu ra năng lực chuyên môn của nhóm thực nghiệm (khóa 16) và nhóm đối chứng (khóa 15) nội dung thi giảng giảng định trên lớp

TT	Số SV	Kết quả xếp loại					χ^2	p
		Suất xác (%)	Giỏi (%)	Khá (%)	TB (%)	Không đạt (%)		
I Nhóm thực nghiệm								
1	9	33,33	22,22	44,44	0	0	1,6	>0,05
II Nhóm đối chứng								
2	8	0	25	62,5	12,5	0	0,04	>0,05

Bảng 3.21: Kết quả đánh giá chuẩn đầu ra năng lực chuyên môn của sinh viên nhóm thực nghiệm (khóa 16) và nhóm đối chứng (khóa 15) nội dung phỏng vấn trực tiếp

TT	Số SV	Kết quả xếp loại					χ^2	p
		Suất xác (%)	Giỏi (%)	Khá (%)	TB (%)	Không đạt (%)		
I Nhóm thực nghiệm								
1	9	11,11	11,11	44,44	33,33	0	3,88	<0,05
II Nhóm đối chứng								
2	8	0	12,5	62,5	25	0	1,9	>0,05



Biểu đồ 3.2: So sánh kết quả đánh giá chuẩn đầu ra năng lực chuyên môn nhóm đối thực nghiệm và nhóm đối chứng

Đánh giá chung về kết quả thi chuẩn đầu ra năng lực chuyên môn cho thấy kết quả đánh giá của nhóm thực nghiệm cao hơn hẳn nhóm đối chứng ở tất cả các nội dung đánh giá. Điều này có thể khẳng định chương trình đào tạo mới do luận án xây dựng đáp ứng chuẩn đầu ra tốt hơn chương trình cũ.

3.3.2.3. *Đánh giá chất lượng chương trình đào tạo đổi mới thông qua xin ý kiến các bên liên quan về mức độ đáp ứng của chương trình đào tạo.*

Sau khi kết thúc đánh giá chuẩn đầu ra, luận án tiến hành xin ý kiến 7 chuyên gia, đại diện 6 đơn vị tuyển dụng, 9 sinh viên trực tiếp học tập và 12 giảng viên trực tiếp giảng dạy chương trình mới do luận án xây dựng bằng hình thức phỏng vấn gián tiếp thông qua phiếu hỏi do trung tâm đảm bảo chất lượng nhà trường xây dựng. Kết quả được trình bày tại bảng 3.22 và 3.23.

Bảng 3.22: Ý kiến đánh giá của các chuyên gia, nhà tuyển dụng về mức độ đáp ứng của chương trình đào tạo đổi mới

TT	Nội dung đánh giá	Kết quả đánh giá				
		Tốt (%)	Khá (%)	TB (%)	Yếu (%)	Kém (%)
I	Đánh giá của các chuyên gia					
1	Về kiến thức cơ bản	42,85	57,15	0	0	0
2	Về kiến thức chuyên ngành	57,15	28,57	14,28	0	0
3	Về kỹ năng áp dụng thực tế	28,57	57,15	14,28	0	0
4	Về khả năng làm việc chuyên ngành	28,57	42,85	28,57	0	0
5	Về khả năng đáp ứng với chương trình sau đại học	71,43	28,57	0	0	0
II	Đánh giá của nhà tuyển dụng					
6	Hiểu biết về lĩnh vực chuyên ngành	33,33	66,67	0	0	0
7	Hiểu biết về kiến thức xã hội	33,33	50	16,67	0	0
8	Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, tác phong, thái độ	50	33,33	16,67	0	0
9	Khả năng đáp ứng công việc tại đơn vị sau khi tốt nghiệp	50	50	0	0	0
10	Khả năng xử lý tình huống trong công việc	33,33	33,33	33,33	0	0

Bảng 3.23: Ý kiến đánh giá của giảng viên và sinh viên về mức độ đáp ứng của chương trình đào tạo đổi mới

TT	Nội dung đánh giá	Kết quả đánh giá		
		Rất đồng ý (%)	Đồng ý (%)	Không đồng ý (%)
I	Đánh giá của sinh viên			
1	CTĐT có mục tiêu, chuẩn đầu ra rõ ràng phù hợp với nhu cầu xã hội	77,77	22,23	0
2	Cấu trúc của CTĐT phù hợp với ngành, nghề đào tạo	88,88	11,12	0
3	Nội dung CTĐT đầy đủ, cập nhật đáp ứng được mục tiêu và CĐR	77,77	22,23	0
4	Số tín chỉ và số học phần trong CTĐT phù hợp	66,65	22,23	11,12
5	CTĐT đảm bảo đủ năng lực liên thông lên chương trình sau đại học	88,88	11,12	0
II	Đánh giá của giảng viên			
6	CTĐT có mục tiêu, chuẩn đầu ra rõ ràng phù hợp với nhu cầu xã hội	75	25	0
7	Cấu trúc của CTĐT phù hợp với ngành, nghề đào tạo	66,66	33,34	0

8	Nội dung CTĐT đầy đủ, cập nhật đáp ứng được mục tiêu và CDR	83,33	16,67	0
9	Nội dung chương trình phù hợp với khả năng tiếp thu của sinh viên	58,33	33,34	8,33
10	Số tín chỉ và số học phần trong CTĐT phù hợp	66,66	25	8,33
11	Sự phân bổ giữa lý thuyết và thực hành trong các học phần	66,66	25	8,33
12	CTĐT đảm bảo đủ năng lực liên thông lên chương trình sau đại học	83,33	16,67	0

Tổng hợp ý kiến của các bên liên quan về chương trình đào tạo đổi mới do luận án xây dựng, chúng tôi rút ra một số kết luận sau:

Về cơ bản các bên liên quan đều đánh giá CTĐT đã đáp ứng được với mục tiêu, chuẩn đầu ra cũng như năng lực đáp ứng công việc của sinh viên với nhu cầu xã hội. Cấu trúc, nội dung CTĐT đảm bảo, phù hợp, được xây dựng công phu, khoa học có tính cập nhật và hiện đại, các học phần trong CTĐT đáp ứng tốt trong việc đảm bảo thực hiện mục tiêu, CDR và nhu cầu xã hội.

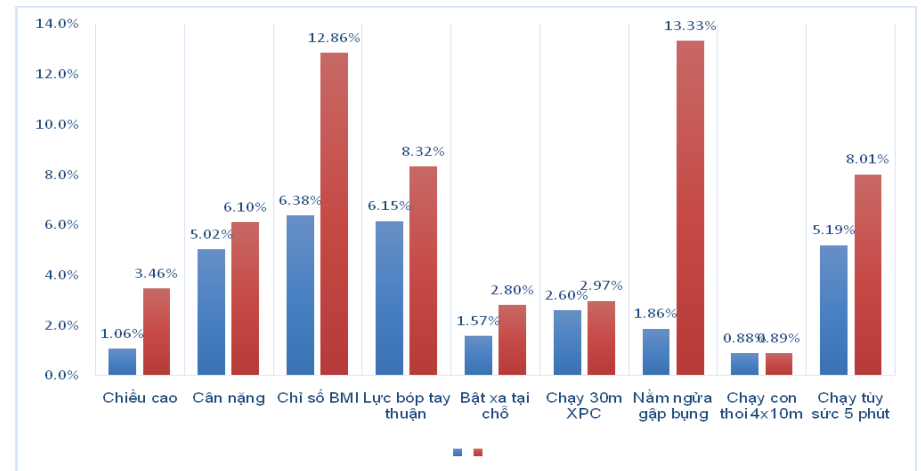
Một số ý kiến cho rằng CTĐT còn chưa hợp lý ở số tín chỉ, số học phần, sự phân bổ giữa lý thuyết và thực hành, chương trình đào tạo kỹ năng và số học phần tự chọn cho sinh viên ít. Điều này sẽ được chúng tôi nghiêm túc tiếp thu, rút kinh nghiệm ở kỳ rà soát, cấu trúc, điều chỉnh CTĐT tiếp theo.

3.3.2.4. *Đánh giá hiệu quả của chương trình đào tạo đổi mới thông qua so sánh các chỉ tiêu về hình thái và mức độ phát triển các tổ chức thể*

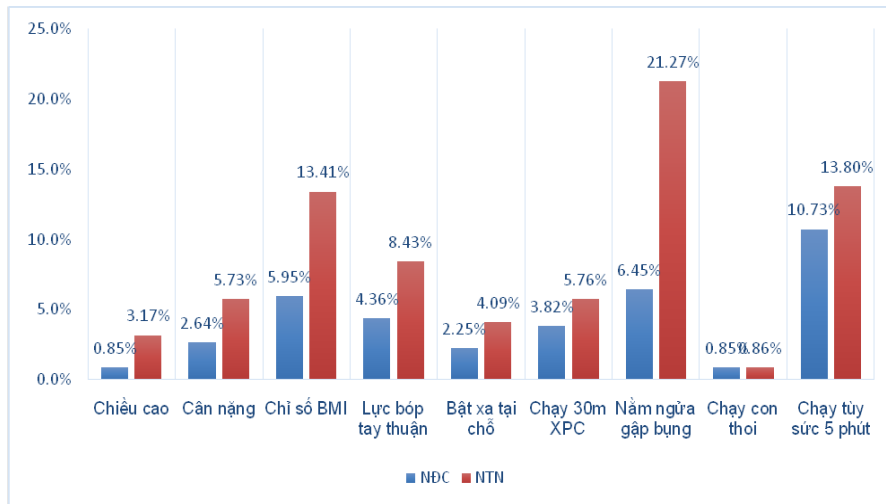
lực của sinh viên nhóm đối chứng(khóa 15) và nhóm thực nghiệm(khóa 16)

Để đánh giá về hình thái và mức độ phát triển thể lực của sinh viên, luận án tiến hành kiểm tra chiều cao (cm), cân nặng (kg), chỉ số BMI (kg/m^2) và sử dụng các tiêu chí đánh giá thể lực cho HS,SV lứa tuổi từ 6 đến 20 tuổi được ban hành theo quyết định số 53/2008/QĐ-BGD&ĐT. Theo đó chúng tôi sẽ tiến hành kiểm tra hình thái và các tổ chức thể lực của sinh viên nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng từ lúc vào trường đến kết thúc năm học thứ ba, thời gian kiểm tra là trước thực nghiệm và tổng hợp mức độ phát triển hình thái và các tổ chức thể lực của SV sau ba năm học (sau thực nghiệm). So sánh kết quả tăng trưởng về hình thái và các tổ chức thể lực của hai nhóm sẽ là cơ sở để luận án đưa ra các kết luận khoa học về hiệu quả của CTĐT đổi mới.

Kết quả đánh giá hình thái, tổ chức thể lực của sinh viên nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm được luận án trình bày cụ thể tại biểu đồ 3.7 và 3.8



Biểu đồ 3.7: So sánh nhịp tăng trưởng của nam sinh viên NĐC và NTN



Biểu đồ 3.8: So sánh nhịp tăng trưởng của nữ sinh viên NĐC và NTN

Kết quả so sánh nhịp tăng trưởng về các chỉ số hình thái và thể lực của nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm sau ba năm học tập được trình bày tại biểu đồ 3.7 cho thấy. Ở tất cả các tiêu chí đem ra so sánh mức độ tăng trưởng về sự biến đổi các chỉ số của nhóm thực nghiệm đều tốt hơn hẳn nhóm đối chứng, điều này đồng nghĩa với CTĐT mới do luận án xây dựng cho nhóm thực nghiệm có tác động tốt hơn đến sự phát triển hình thái và tổ chức thể lực của nhóm đối chứng học chương trình đào tạo cũ.

3.3.3. Bàn luận về kết quả nghiên cứu nhiệm vụ 3:

3.3.3.1. Bàn luận về tổ chức thực nghiệm

Không giống như nhiều luận án nghiên cứu có liên quan của các tác giả chỉ sử dụng phương pháp nghiên cứu thực nghiệm song song như: Tác giả Trần Vũ Phương (2016), tác giả Nguyễn Duy Quyết (2012), tác giả Hồ Đắc Sơn (2004) và các tác giả chỉ nghiên cứu phương pháp thực nghiệm tự đối chiếu như: Tác giả Nguyễn Cẩm Ninh (2011), tác giả Lê Trường Sơn Chấn Hải (2012), tác giả Phạm Đức Viễn (2018). Trong quá trình nghiên cứu, luận án đã sử dụng đồng thời cả hai phương pháp nghiên cứu thực nghiệm là song song và tự đối chiếu để đánh giá chất lượng đổi mới CTĐT trình độ đại học ngành GDTC trường đại học Hùng Vương tỉnh Phú Thọ.

Đây được coi là cách tiếp cận mới vừa đánh giá được mức độ phát triển của sinh viên nhóm thực nghiệm học CTĐT mới trước và sau khi tiến hành thực nghiệm; vừa so sánh được kết quả của nhóm thực nghiệm học CTĐT mới và nhóm đối chứng học CTĐT cũ.

3.3.3.2. Bàn luận về kết quả thực nghiệm

Quá trình đánh giá kết quả thực nghiệm do sinh viên thực hiện CTĐT mới chỉ thực hiện thực nghiệm trong 3 năm học (từ năm thứ nhất đến năm thứ 3), bên cạnh đó có nhiều yếu tố thay đổi như: yếu tố đầu vào, cơ sở vật chất...Luận án mới chỉ dừng lại ở việc đánh giá nhóm đối tượng thực nghiệm khi sinh viên kết thúc năm học thứ ba chuẩn bị đi thực tập sư phạm lần 2 chứ chưa đánh giá được sản phẩm của quá trình đào tạo sau khi ra trường công tác thực tế. Vì vậy luận án đã không sử dụng bộ tiêu chuẩn đánh giá thực trạng CTĐT trình độ đại học ngành GDTC trường đại học Hùng Vương làm bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT đổi mới. Trong quá trình đánh giá chất lượng CTĐT đổi mới luận án căn cứ vào 4 tiêu chuẩn để đánh giá đó là: Kết quả học tập của sinh viên nhóm thực nghiệm trong 3 năm học; kết quả đáp ứng chuẩn đầu ra năng lực chuyên môn của nhóm thực nghiệm; kết quả phỏng vấn của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của sinh viên nhóm thực nghiệm so với chuẩn đầu ra năng lực chuyên môn; kết quả phát triển về hình thái và tổ chức thể lực của sinh viên nhóm thực nghiệm sau ba năm học. Những kết quả này được luận án đem so sánh với nhóm đối chứng để làm căn cứ đưa ra các kết luận

Đánh giá kết quả học tập của sinh viên nhóm thực nghiệm cho thấy: Khả năng tiếp thu kiến thức, kỹ năng của sinh viên ở các kỳ học là khá tốt, tất cả các học kỳ sinh viên đều đạt điểm từ khá trở lên, duy nhất học kỳ I sinh viên không có học lực loại xuất sắc. Điều này cũng dễ hiểu vì sinh viên mới vừa chuyển cấp học, kinh nghiệm học tập chưa có, chưa thích ứng với hình thức và phương pháp đào tạo mới. Sau ba năm thực nghiệm chương trình đào tạo mới kết quả học tập của nhóm thực nghiệm là tốt hơn hẳn nhóm đối chứng điều nay được thể hiện trong các học kỳ từ II đến V khi χ^2 tính > χ^2 bảng (χ^2 bảng = 3,841) ở ngưỡng xác suất $p < 0,05$. Kết quả học tập của sinh viên hai nhóm ở học kỳ I và học kỳ VI sự khác biệt

không có ý nghĩa χ^2 tính < χ^2 bảng (χ^2 bảng = 3,841) ở ngưỡng xác suất $p < 0,05$.

Phân tích kết quả đánh giá chuẩn đầu ra năng lực chuyên môn của nhóm thực nghiệm cho thấy: Khả năng tiếp thu các nội dung lí luận của sinh viên là khá tốt, điểm xuất sắc và điểm giỏi chiếm tỷ lệ cao (55,55%), còn lại là điểm khá chiếm (44,44%), không có tỷ lệ sinh viên đạt điểm trung bình và không đạt. Điều này đã thể hiện sinh viên ra trường có thể đáp ứng khá tốt với khả năng phân tích, giảng giải những vấn đề chuyên môn cũng như các hiểu biết xã hội khác, phục vụ cho công tác giảng dạy, sinh hoạt trong cuộc sống hàng ngày. Khả năng giảng dạy của sinh viên cũng được đánh giá rất cao (55,55 %) sinh viên được đánh giá loại xuất sắc và giỏi; còn lại (44,44%) sinh viên được đánh giá giảng dạy loại khá không có mức trung bình và không đạt. Điều này có thể khẳng định, sinh viên khi ra trường hoàn toàn có thể đáp ứng được với công tác giảng dạy môn học GDTC tại các trường trong bậc học phổ thông. Về năng lực giao tiếp và xử lý các tình huống chuyên môn, sinh viên còn yếu chỉ có 22,22% sinh viên đạt xuất sắc và giỏi, còn lại 77,88% là xếp loại khá và trung bình. Đặc biệt tỷ lệ sinh viên đạt trung bình là khá cao (33,33%), điều này cho thấy mặc dù sinh viên đã đáp ứng được yêu cầu về năng lực giao tiếp cũng như xử lý các tình huống chuyên môn song cần phải được bồi dưỡng thường xuyên để nâng cao chất lượng xử lý các tình huống đây cũng là điều các em cần bổ sung trong quá trình đi thực tập sư phạm lần 2. So sánh về kết quả thi chuẩn đầu ra năng lực chuyên môn cho thấy kết quả đánh giá của nhóm thực nghiệm cao hơn hẳn nhóm đối chứng ở tất cả các nội dung đánh giá. Điều này có thể khẳng định chương trình đào tạo mới do luận án xây dựng đáp ứng chuẩn đầu ra tốt hơn chương trình cũ.

Tổng hợp ý kiến của các bên liên quan về mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra năng lực chuyên môn của chương trình đào tạo đổi mới do luận án xây dựng sau khi đánh giá chuẩn đầu ra chuyên môn cho thấy: Về cơ bản các bên liên quan đều đánh giá CTĐT đã đáp ứng được với mục tiêu, chuẩn đầu ra cũng như năng lực đáp ứng công việc của sinh viên với nhu cầu xã hội. Cấu trúc, nội dung CTĐT đảm bảo, phù hợp, được xây dựng công phu, khoa học có tính cập nhật và hiện đại, các học phần trong CTĐT đáp ứng tốt trong việc đảm bảo thực hiện mục tiêu, CĐR và nhu cầu xã hội. Một số

ý kiến cho rằng CTĐT còn chưa hợp lý ở số tín chỉ, số học phần, sự phân bổ giữa lý thuyết và thực hành, chương trình đào tạo kỹ năng và số học phần tự chọn cho sinh viên ít. Điều này sẽ được chúng tôi nghiêm túc tiếp thu, rút kinh nghiệm ở kỳ rà soát, cấu trúc, điều chỉnh CTĐT tiếp theo.

Phân tích kết quả phát triển về hình thái và tổ chức thể lực của sinh viên nhóm thực nghiệm cho thấy: Kết quả tự so sánh, đối chiếu các chỉ tiêu đánh giá hình thái và thể lực của sinh viên nhóm thực nghiệm trước và sau thực nghiệm có sự phát triển đáng kể khi hầu hết các chỉ tiêu đánh giá đều có sự khác biệt không có ý nghĩa $t_{\text{tính}} < t_{\text{bảng}}$ ở ngưỡng xác suất $p > 0,05$ (trừ các tiêu chí 6; 8; 9 của nam và tiêu chí 5 của nữ)

Kết quả so sánh nhịp tăng trưởng về các chỉ số hình thái và thể lực của nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm sau ba năm học tập được trình bày tại biểu đồ 3.7 cho thấy. Ở tất cả các tiêu chí đem ra so sánh mức độ tăng trưởng về sự biến đổi các chỉ số của nhóm thực nghiệm đều tốt hơn hẳn nhóm đối chứng, điều này đồng nghĩa với CTĐT mới do luận án xây dựng cho nhóm thực nghiệm có tác động tốt hơn đến sự phát triển hình thái và tổ chức thể lực của nhóm đối chứng học chương trình đào tạo cũ.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

Từ các kết quả nghiên cứu cho phép luận án đi đến một số kết luận sau:

1.1. Về thực trạng

Kết quả nghiên cứu về các điều kiện đảm bảo thực hiện CTĐT trình độ đại học ngành GDTC trường đại học Hùng Vương hiện nay cho thấy: về cơ bản các điều kiện đã đáp ứng để thực hiện được các mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT với mức độ trung bình và khá, bên cạnh đó đã phản ánh những tồn tại cơ bản như: số lượng, chất lượng công tác tuyển sinh đầu vào còn thiếu và yếu; số lượng, chất lượng đội ngũ giảng viên cơ hữu còn chưa đảm bảo để thực hiện giảng dạy các môn thể thao chuyên sâu có trong CTĐT, số chuyên gia và giảng viên có trình độ cao còn ít; cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học còn thiếu, chất lượng và mức độ đồng bộ, hiện đại của các công trình còn nhiều hạn chế. Những tồn tại hạn chế này cần được sớm khắc phục để đảm bảo thực hiện CTĐT đạt chất lượng cao.

Kết quả nghiên cứu thực trạng chất lượng CTĐT trình độ đại học ngành GDTC trường đại học Hùng Vương tỉnh Phú Thọ, cho thấy tất cả 11 tiêu chuẩn đều chỉ đạt ở mức trung bình, còn 3 tiêu chuẩn đạt ở mức trung bình thấp (4,01 đến 4,09/7 điểm), nhiều tiêu chí đạt điểm thấp, thậm chí còn nhiều tiêu chí được đánh giá là không đạt. Điều này cho thấy cần phải có những nghiên cứu nghiêm túc nhằm đánh giá một cách toàn diện từ đó có những cải tiến, điều chỉnh phù hợp nâng cao chất lượng của CTĐT và chất lượng đào tạo trình độ đại học ngành GDTC tại trường đại học Hùng Vương.

1.2. Về đổi mới chương trình đào tạo

Luận án đã đổi mới được CTĐT trình độ đại học ngành GDTC trường Đại học Hùng Vương, trong đó đặc biệt chú trọng đổi mới phần kiến thức ngành của chương trình đào tạo gồm 6 vấn đề đổi mới chính. Những thay đổi là phù hợp với thực trạng đào tạo trình độ đại học ngành

GDTC tại trường Đại học Hùng Vương đã được sự đóng góp của các bên liên quan khi luận án tiến hành phỏng vấn xin ý kiến.

Chương trình đào tạo đổi mới do luận án xây dựng đã được Hiệu trưởng trường Đại học Hùng Vương ban hành quyết định số 930/QĐ-ĐHHV đồng ý đưa vào đào tạo trình độ đại học ngành GDTC từ năm học 2018-2019.

1.3. Về hiệu quả của chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành GDTC mới do luận án xây dựng đã được triển khai đào tạo tại trường đại học Hùng Vương từ năm học 2018-2019. Qua ba năm đào tạo, thông qua việc đánh giá kết quả học tập, chuẩn đầu ra chuyên môn, lấy ý kiến các bên liên quan và đánh giá mức độ phát triển hình thái, thể lực của sinh viên cho thấy tính hiệu quả vượt trội của chương trình đào tạo mới so với chương trình đào tạo cũ ở tất cả các tiêu chuẩn đánh giá khi đem so sánh giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng.

II. KIẾN NGHỊ

Từ những kết luận ở trên cho phép luận án đi đến một số kiến nghị sau:

+ Trường đại học Hùng Vương cần có chính sách tăng cường nguồn lực đảm bảo các điều kiện nâng cao chất lượng đào tạo trình độ đại học ngành GDTC.

+ Trường Đại học Hùng Vương tiếp tục kiểm chứng để có cơ sở rà soát điều chỉnh CTĐT trình độ đại học ngành GDTC cho phù hợp với thực tiễn trong từng giai đoạn cụ thể.

+ Kết quả nghiên cứu của luận án có thể sử dụng là tài liệu tham khảo cho các công trình nghiên cứu khác có cùng hướng nghiên cứu.

+ Kiến nghị với các nghiên cứu tiếp theo: Mở rộng hướng nghiên cứu của đề tài luận án để tiếp tục nghiên cứu đổi mới hoàn thiện chương trình đào tạo ngành GDTC nói chung và ngành GDTC trường đại học Hùng Vương nói riêng.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. (2019), “Quality assessment of the physical education bachelor program in Hung Vuong University, Phu Tho province”, *PROCEEDINGS INTERNATIONAL SCIENTIFIC CÒNERENCE SPORTS IN THE CONTEXT OF THE INDUSTRIAL REVOLUTION 4.0*
2. (2021), “Đánh giá hiệu quả đổi mới chương trình đào tạo trình độ đại học ngành GDTC trường đại học Hùng Vương tỉnh Phú Thọ”, *Tạp trí khoa học Đào tạo và huấn luyện thể thao trường đại học TDTT Bắc Ninh*
3. (2021), “Thực trạng chương trình đào tạo trình độ đại học Ngành Giáo dục thể chất Trường Đại học Hùng Vương tỉnh Phú Thọ dưới góc nhìn đa chiều”, *Tạp trí khoa học Đào tạo và huấn luyện thể thao trường đại học TDTT Bắc Ninh*